



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

Số: 026/2021/BCKT-CT.00106

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang được lập ngày 25 tháng 03 năm 2021, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**

**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH CẦN THƠ**  
TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>287.384.751.778</b>	<b>327.931.185.236</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		12.764.771.521	3.284.302.038
Tiền	111	5.1	12.764.771.521	3.284.302.038
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		70.100.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	70.100.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		62.411.450.073	48.997.673.368
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	60.420.239.013	52.764.294.467
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.858.126.225	2.186.376.904
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.196.726.057	826.844.564
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(7.063.641.222)	(6.779.842.567)
Hàng tồn kho	140	5.7	141.169.520.606	274.845.205.188
Hàng tồn kho	141		141.601.905.432	276.161.762.158
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(432.384.826)	(1.316.556.970)
Tài sản ngắn hạn khác	150		939.009.578	804.004.642
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	658.306.100	542.102.831
Thuế GTGT được khấu trừ	152		280.703.478	207.303.846
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	54.597.965
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>147.990.641.574</b>	<b>145.427.107.254</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		90.371.257.013	85.557.730.472
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	46.882.234.102	41.080.526.443
Nguyên giá	222		280.700.270.128	270.985.357.961
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.818.036.026)	(229.904.831.518)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	43.489.022.911	44.477.204.029
Nguyên giá	228		47.572.942.345	47.572.942.345
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.083.919.434)	(3.095.738.316)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.815.139.007	15.780.879.735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	15.815.139.007	15.780.879.735
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.750.000.000	18.750.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	6.900.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		16.154.245.554	18.438.497.047
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	16.154.245.554	18.438.497.047
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>435.375.393.352</b>	<b>473.358.292.490</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>57.910.794.914</b>	<b>114.772.596.207</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.437.294.914</b>	<b>114.455.096.207</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	19.743.962.122	25.510.382.798
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	3.095.579.996	2.540.951.591
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	2.228.441.831	112.495.708
Phải trả người lao động	314		-	1.595.998.279
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	830.841.077	552.626.154
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		180.000.000	166.666.668
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	1.706.716.728	1.676.440.927
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	29.238.503.228	81.708.284.150
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.18	413.249.932	591.249.932
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>473.500.000</b>	<b>317.500.000</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	473.500.000	317.500.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>377.464.598.438</b>	<b>358.585.696.283</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>377.464.598.438</b>	<b>358.585.696.283</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.256.585.962	8.256.585.962
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.208.012.476	329.110.321
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		329.110.321	206.591.166
LNST chưa phân phối năm nay	421b		18.878.902.155	122.519.155
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>435.375.393.352</b>	<b>473.358.292.490</b>

  
**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
 Người lập biểu

  
**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
 Kế toán trưởng



  
**HỨA MINH TRÍ**  
 Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>760.990.568.787</b>	<b>784.988.323.880</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.820.494.220	11.840.720.257
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>750.170.074.567</b>	<b>773.147.603.623</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>6.3</b>	<b>705.632.335.802</b>	<b>722.204.298.100</b>
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>44.537.738.765</b>	<b>50.943.305.523</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	10.473.157.891	3.045.282.910
Chi phí tài chính	22	6.5	4.048.158.500	7.642.498.233
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.200.781.679	5.776.416.006
Chi phí bán hàng	25	6.6	17.276.132.488	22.731.899.503
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	12.895.170.127	13.917.335.154
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>20.791.435.541</b>	<b>9.696.855.543</b>
Thu nhập khác	31	6.8	974.201.699	2.245.227.764
Chi phí khác	32	6.9	664.354.436	11.741.977.966
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>309.847.263</b>	<b>(9.496.750.202)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>21.101.282.804</b>	<b>200.105.341</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.14	2.222.380.649	77.586.186
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18.878.902.155</b>	<b>122.519.155</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>			<b>539</b>	<b>4</b>

HUỖNH THỊ PHƯƠNG THẢO  
Người lập biểu

TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG  
Kế toán trưởng



HỨA MINH TRÍ  
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021

75-00  
CÔNG TY  
KHUẤT  
DÂN  
T. AN GIANG  
TP. C. P.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>21.101.282.804</b>	<b>200.105.341</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		8.180.877.575	10.419.028.004
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		(600.373.489)	697.198.770
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		178.042	25.595
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.808.474.713)	(2.919.882.626)
Chi phí lãi vay	06		2.200.781.679	5.776.416.006
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>23.074.271.898</b>	<b>14.172.891.090</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(9.751.784.439)	6.683.789.235
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		134.559.856.726	(7.040.044.399)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6.352.348.937)	7.129.133.722
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.168.048.224	8.308.901.654
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.207.479.395)	(6.043.330.707)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(77.354.367)	(32.672.313)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(178.000.000)	(1.040.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>141.235.209.710</b>	<b>22.138.668.282</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(13.225.881.881)	(1.408.082.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		426.263.635	1.894.890.908
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.100.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.614.836.983	2.937.251.256
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(79.284.781.263)</b>	<b>3.424.060.164</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	350.073.880.983	581.850.422.791
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(402.543.661.905)	(604.897.222.799)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.219.870.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(52.469.780.922)</b>	<b>(28.266.670.758)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>				
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>		<b>9.480.647.525</b>	<b>(2.703.942.312)</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(178.042)	(25.595)
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>70</b>	5.1	<b>12.764.771.521</b>	<b>3.284.302.038</b>



**HUỲNH THỊ PHƯƠNG THẢO**  
Người lập biểu



**TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG**  
Kế toán trưởng




**HỨA MINH TRÍ**  
Phó Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 25 tháng 03 năm 2021